TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN
THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS ECOTRANS

Số: 1100 ./BG/TBĐ/2019 - Quyết định số: 3370/EVNHCMC-KT ngày 04/09/2018

ĐT: 0613.836139 - Fax : 0613.836070 của Tổng Công ty Điện Lực TP.Hồ Chí Minh

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP 12.7/0,23kV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	25 KVA	27	333	2	35,164
2		37,5 KVA	37	420		43,462
3		50 KVA	43	570		49,413
4		75 KVA	59	933		65,258
5		100 KVA	70	1,305		77,326

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	82	1250	4	118,159
2		160 KVA	112	1940		135,706
3		180 KVA	118	2090		152,787
4		250 KVA	136	2600		195,006
5		320 KVA	154	3170		235,335
6		400 KVA	173	3820		275,060
7		560 KVA	232	4810		315,247
8		630 KVA	312	5570	5	325,756
9		750 KVA	338	6540		346,117
11		1,000 KVA	392	8550		442,129
12		1,250 KVA	446	10690	6	522,482
14		1,600 KVA	522	13680		612,752
15		2,000 KVA	600	17100		753,172

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600253826 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN
THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS ECOTRANS

Số: 1101 ./BG/TBĐ/2019 - Quyết định số: 2608/QĐ-EVN SPC ngày 03/09/2015 của T.Cty ĐL Miền Nam

ĐT: 0251.836139 - Fax : 0251.836070

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 12.7/0.23 KV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w)	Điện áp ngắn mạch	
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	17	213	230	2÷2,4	27,945
2		25 KVA	22	333	355	2÷2,4	35,164
3		37,5 KVA	31	420	451	2÷2,4	43,462
4		50 KVA	36	570	606	2÷2,4	49,413
5		75 KVA	49	933	982	2÷2,4	65,258
6		100 KVA	64	1,305	1,369	2÷2,4	77,326

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.4 KV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w)	Điện áp ngắn mạch	
1	MÁY BIẾN THẾ 3 PHA	100 KVA	75	1258	1333	4÷6	118,159
2		160 KVA	95	1,940	2,035	4÷6	135,706
3		180 KVA	115	2,185	2,300	4÷6	152,787
4		250 KVA	125	2,600	2,725	4÷6	195,006
5		320 KVA	145	3,330	3,475	4÷6	235,335
6		400 KVA	165	3,818	3,983	4÷6	275,060
7		560 KVA	220	4,810	5,030	4÷6	315,247
8		630 KVA	270	5,570	5,840	4÷6	325,756
9		750 KVA	290	6,725	7,015	4÷6	346,117
10		800 KVA	310	6,920	7,230	4÷6	369,475
11		1,000 KVA	350	8,550	8,900	4÷6	442,129
12		1,250 KVA	420	10,690	11,110	4÷6	522,482
13		1,500 KVA	470	12,825	14,150	4÷6	606,282
14		1,600 KVA	490	13,680	14,170	4÷6	612,752
15		2,000 KVA	580	17,100	17,680	4÷6	753,172

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS ECOTRANS

Số: 1102./BG/TBĐ/2019 - Quyết định số: 62/QĐ-EVN ngày 05/05/2017 của Tập đoàn ĐL Việt Nam

ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP	
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	12,7/0,23kV	22/0,23kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	17	213	2	27,945	28,947
2		25 KVA	22	333		35,164	36,084
3		37,5 KVA	31	420		43,462	45,004
4		50 KVA	36	570		49,413	53,109
5		75 KVA	49	933		65,258	67,800
6		100 KVA	64	1,305		77,326	80,340

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	22/0,4kV
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	50 KVA	56	715	4	94,139
2		75 KVA	68	985		109,631
3		100 KVA	75	1,250		118,159
4		160 KVA	95	1,940		135,706
5		180 KVA	115	2,090		152,787
6		250 KVA	125	2,600		195,006
7		320 KVA	145	3,170		235,335
8		400 KVA	165	3,820		275,060
9		560 KVA	220	4,810		315,247
10		630 KVA	270	5,570		325,756
11		750 KVA	290	6,540	5	346,117
12		1.000 KVA	350	8,550		442,129
13		1.250 KVA	420	10,690		522,482
14		1.600 KVA	490	13,680	6	612,752
15		2.000 KVA	580	17,100		753,172

Ghi chú: + Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ AMORPHOUS ECOTRANS

Số: 1103 ./BG/TBĐ/2019

ĐT: 02513.836139 - Fax : 02513.836070 Số: 6945 /QĐ-EVNCPC ngày 31/7/2019 của

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6 TCTY ĐL MIỀN TRUNG ĐVT: 1.000 đồng

S TT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.23kV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w)	Điện áp ngắn mạch Uk (%)	
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	17	213	230	2÷2,4	28,947
2		25 KVA	22	333	355	2÷2,4	36,084
3		37,5 KVA	31	420	451	2÷2,4	45,004
4		50 KVA	36	570	606	2÷2,4	53,109
5		75 KVA	49	933	982	2÷2,4	67,800
6		100 KVA	64	1,305	1,369	2÷2,4	80,340

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT				CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.4KV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Tổng tổn hao (w) (≤)	Điện áp ngắn mạch Uk (%)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	30 KVA	40	490	530	4÷6	75,032
2		50 KVA	56	650	706	4÷6	94,139
3		75 KVA	68	1000	1,068	4÷6	109,631
4		100 KVA	75	1250	1,325	4÷6	118,159
5		160 KVA	95	1940	2,035	4÷6	135,706
6		180 KVA	115	2185	2,300	4÷6	152,787
7		250 KVA	125	2600	2,725	4÷6	195,006
8		320 KVA	145	3330	3,475	4÷6	235,335
9		400 KVA	165	3820	3,985	4÷6	275,060
10		560 KVA	220	4810	5,030	4÷6	315,247
11		630 KVA	270	5570	5,840	4÷6	325,756
12		750 KVA	290	6725	7,015	4÷6	346,117
13		800 KVA	315	6920	7,235	4÷6	369,475
14		1,000 KVA	350	8550	8,900	4÷6	442,129
15		1,250 KVA	420	10690	11,110	4÷6	522,482
16		1,500 KVA	470	12850	13,320	4÷6	606,282
17		1,600 KVA	490	13680	14,170	4÷6	612,752
18		2,000 KVA	580	17100	17,680	4÷6	753,172

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 1104./BG/TBĐ/2019

ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

- Quyết định số: 3370/EVNHCMC-KT ngày 04/09/2018 của Tổng Công ty Điện Lực TP.Hồ Chí Minh

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP 12.7/0,23kV
			Po(w) (≤)	*Pk(w)* (≤)	*Uk(%)* (≥)	
2	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	25 KVA	67	333	2	28,986
3		37,5 KVA	92	420		36,150
4		50 KVA	108	570		42,664
5		75 KVA	148	933		56,344
6		100 KVA	192	1,305		66,763

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP 22/0,4kV
			Po(w) (≤)	*Pk(w)* (≤)	*Uk(%)* (≤)	
3	MÁY BIẾN THẾ 3 PHA	100 KVA	205	1,250	4	101,861
4		160 KVA	280	1,940		117,070
5		180 KVA	295	2,090		131,713
6		250 KVA	340	2,600		168,225
7		320 KVA	385	3,170		203,015
8		400 KVA	433	3,820		237,120
9		560 KVA	580	4,810		271,764
10		630 KVA	780	5,570		281,019
11		750 KVA	845	6,540	5	298,582
12		1.000 KVA	980	8,550		381,408
13		1.250 KVA	1,115	10,690		450,063
14		1.600 KVA	1,305	13,680	6	528,599
15		2.000 KVA	1,500	17,100		633,218

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)

CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 1105/BG/TBĐ/2019

- Quyết định số 2608/QĐ-EVN SPC ngày 03/09/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam

ĐT: 02513.836139 - Fax: 02513.836070

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ĐVT:1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	CẤP ĐIỆN ÁP 12.7/0,23kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	52	213	22,630
2		25 KVA	67	333	28,986
3		37,5 KVA	92	420	36,150
4		50 KVA	108	570	42,664
5		75 KVA	148	933	56,344
6		100 KVA	192	1305	66,763
STT	**LOẠI MÁY**	**CÔNG SUẤT**	**Po (w) (≤)**	**Pk (w) (≤)**	**CẤP ĐIỆN ÁP 22/0,4kV**
1	MÁY BIẾN THẾ 3PHA	100 KVA	205	1258	101,861
2		160 KVA	280	1940	117,070
3		180 KVA	315	2185	131,713
4		250 KVA	340	2600	168,225
5		320 KVA	390	3330	203,015
6		400 KVA	433	3818	237,120
7		560 KVA	580	4810	271,764
8		630 KVA	787	5570	281,019
9		750 KVA	855	6725	298,582
10		800 KVA	880	6920	318,512
11		1000 KVA	980	8550	381,408
12		1250 KVA	1020	10690	450,063
13		1500 KVA	1223	12825	522,657
14		1600 KVA	1305	13680	528,599
15		2000 KVA	1500	17100	633,218

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600253826 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN
THIBIDI

BANG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 1106 ./BG/TBĐ/2019 - Quyết định số: 62/QĐ-EVN ngày 05/05/2017 của Tập đoàn ĐL Việt Nam

ĐT: 02513836139 - Fax : 02513836070

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ĐVT: 1.000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP	
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	12,7/0,23kV	22/0,23kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	52	213	2	22,630	23,536
2		25 KVA	67	333		28,986	30,069
3		37,5 KVA	92	420		36,150	37,504
4		50 KVA	108	570		42,664	44,258
5		75 KVA	148	933		56,344	58,448
6		100 KVA	192	1,305		66,763	69,259

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT			CẤP ĐIỆN ÁP 22/0.4kV
			Po(w) (≤)	Pk(w) (≤)	Uk(%) (≥)	
1	MÁY BIẾN THẾ 3 PHA	50 KVA	120	715	4	81,154
2		75 KVA	165	985		94,509
3		100 KVA	205	1,250		101,861
4		160 KVA	280	1,940		117,070
5		180 KVA	295	2,090		131,713
6		250 KVA	340	2,600		168,225
7		320 KVA	385	3,170		203,015
8		400 KVA	433	3,820		237,120
9		560 KVA	580	4,810		271,764
10		630 KVA	780	5,570		281,019
11		750 KVA	845	6,540	5	298,582
12		1.000 KVA	980	8,550		381,408
13		1.250 KVA	1,115	10,690		450,063
14		1.600 KVA	1,305	13,680	6	528,599
15		2.000 KVA	1,500	17,100		633,218

Ghi chú: + Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ khi đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Phan Ngọc Thảo

TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM (GELEX)
CÔNG TY CP THIẾT BỊ ĐIỆN

THIBIDI

BẢNG GIÁ MÁY BIẾN THẾ ECOTRANS

Số: 1107/BG/TBĐ/2019 Số: 6945 /QĐ-EVNCPC ngày 31/7/2019 của TCTY ĐL MIỀN TRUNG.

MST: 3 6 0 0 2 5 3 8 2 6

ĐT: 02513.836139 - Fax : 02513.836070

ĐVT: 1000 đồng

STT	LOẠI MÁY	CÔNG SUẤT	Po (w) (≤)	Pk (w) (≤)	CẤP ĐIỆN ÁP 22/0,23 kV
1	MÁY BIẾN THẾ 1PHA	15 KVA	52	213	23,536
2		25 KVA	67	333	30,069
3		37,5 KVA	92	420	37,504
4		50 KVA	108	570	44,258
5		75 KVA	148	933	58,448
6		100 KVA	192	1305	69,259
STT	**LOẠI MÁY**	**CÔNG SUẤT**	**Po (w) (≤)**	**Pk (w) (≤)**	**CẤP ĐIỆN ÁP 22 / 0,4 kV**
1	MÁY BIẾN THẾ 3 PHA	30 KVA	110	500	64,683
2		50 KVA	150	650	81,154
3		75 KVA	190	1000	94,509
4		100 KVA	205	1250	101,861
5		160 KVA	280	1940	117,070
6		180 KVA	315	2185	131,713
7		250 KVA	340	2600	168,225
8		320 KVA	390	3330	203,015
9		400 KVA	433	3818	237,120
10		560 KVA	580	4810	271,764
11		630 KVA	780	5570	281,019
12		750 KVA	855	6725	298,582
13		800 KVA	880	6920	318,512
14		1000 KVA	980	8550	381,408
15		1250 KVA	1020	10690	450,063
16		1500 KVA	1223	12825	522,657
17		1600 KVA	1305	13680	528,599
18		2000 KVA	1500	17100	633,218

Ghi chú:

+ Đơn giá trên ***chưa bao gồm thuế VAT***, và chi phí ***thí nghiệm*** tại các trung tâm thí nghiệm điện.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm là 5 năm (60 tháng) kể từ ngày đóng điện hoặc 5,5 năm (66 tháng) kể từ ngày giao hàng.

+ Bảng giá này áp dụng kể từ ngày ***15/10/2019*** và có giá trị cho đến khi có bảng giá mới.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600253826 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Ngọc Thảo